

250.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng (khoảng 10.000.000 đồng/tháng) và hẹn đến ngày 15/3/2016 sẽ trả toàn bộ tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền đầy đủ thì ông N không thực hiện trả tiền cho bà H như cam kết và đến ngày 23/02/2017 ông N viết tiếp cam kết hẹn đến ngày 01/8/2017 thì sẽ hoàn trả số tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà H nhưng sau khi làm cam kết xong thì ông N cũng không thực hiện trả nợ như đã cam kết. Bà H đã nhiều lần liên hệ với ông N để yêu cầu ông N trả số tiền nêu trên nhưng không được. Do ông N cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu ông N phải trả số tiền nợ gốc đã vay 250.000.000 đồng và tiền lãi mà hai bên đã thỏa thuận, tương đương khoảng 230.000.000 đồng. Tổng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 480.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn N vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N.

Tại phiên tòa;

Bà Đoàn Thị Thu H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, tại bản tự khai ngày 01/6/2018 bà H xác định yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn N phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 23/02/2016 đến ngày 23/02/2018 là 24 tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm (tương đương 0.75%/tháng), cụ thể: $250.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 45.000.000 \text{ đồng}$. Tổng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 295.000.000 đồng và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn N vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các giấy hẹn trả nợ ngày 23/02/2016 và 23/02/2017 thì thể hiện ông Nguyễn N có vay của bà Đoàn Thị Thu H số tiền 250.000.000 đồng và có thỏa thuận tiền lãi. Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu ông N trả tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét bà Đoàn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn N trả tiền vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét bị đơn ông Nguyễn N hiện có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số 34 Đường U, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015, bà H khởi kiện ông N tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét bị đơn ông Nguyễn N đã được Tòa án tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn N vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Ông Nguyễn N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên ông N phải chịu hậu quả của việc này theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, căn cứ yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do phía nguyên đơn bà Đoàn Thị Thu H xuất trình và Tòa án xét xử vắng mặt ông N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét bà Đoàn Thị Thu H yêu cầu ông Nguyễn N trả tiền nợ gốc còn thiếu là 250.000.000 đồng, căn cứ vào Giấy hẹn trả nợ ngày 23/02/2016 và ngày 23/02/2017 thể hiện ông N có vay của bà H số tiền nêu trên và thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 01/8/2017. Bà H cho rằng sau khi viết giấy hẹn trả nợ thì ông N không thực hiện trả nợ cho bà H như đã cam kết. Ông N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định ông N còn nợ của bà H số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng, yêu cầu này của bà H là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Xét tiền lãi: Bà Đoàn Thị Thu H yêu cầu ông Nguyễn N trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng phát sinh từ ngày 23/02/2016 đến ngày 23/02/2018, Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy cam kết trả nợ ngày 23/02/2017 ông N đồng ý trả lãi là 10.000.000 đồng/tháng (tương đương 4%/tháng) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà H chỉ yêu cầu ông N trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Như vậy, khi hai bên thực hiện

hợp đồng vay tiền thì có thỏa thuận lãi suất nên bà H yêu cầu ông N trả tiền lãi là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tiền lãi mà bà H yêu cầu ông N phải trả là số tiền 45.000.000 đồng, tính từ ngày 23/02/2016 đến ngày 23/02/2018 là 24 tháng, được tính theo lãi suất 0.75%/tháng (tương đương 9%/năm) trên số nợ gốc 250.000.000 đồng. Như vậy, mức lãi suất mà bà H yêu cầu ông N phải trả là phù hợp theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có căn cứ để chấp nhận.

Ông N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng không có ý kiến về tiền nợ gốc và tiền lãi nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông N.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 471 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, yêu cầu của bà Đoàn Thị Thu H buộc ông Nguyễn N trả cho bà số tiền 295.000.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc: 250.000.000 đồng và tiền nợ lãi: 45.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về thời hạn thanh toán: Bà Đoàn Thị Thu H yêu cầu ông Nguyễn N trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn N phải chịu án phí trên yêu cầu của bà Đoàn Thị Thu H được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu H.

1.1 Buộc ông Nguyễn N trả cho bà Đoàn Thị Thu H số tiền 295.000.000 (Hai trăm chín mươi lăm triệu) đồng, trong đó bao gồm: tiền nợ gốc 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền nợ lãi 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Trường hợp ông Nguyễn N chậm trả tiền thì ông N phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ông Nguyễn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.750.000 (Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

2.2 Bà Đoàn Thị Thu H được nhận lại số tiền là 11.600.000 (Mười một triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007872 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1 Bà Đoàn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

3.2 Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu